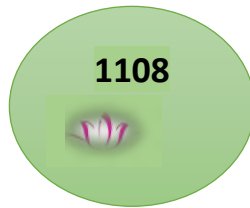


Mạch Quốc Thoại



CÔNG QUÁ CÁCH

(Trích “Cảm ứng – Âm Chất giác thể -
Công Quá cách – Tỉnh thể ngộ Chân”)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
LỜI TỰ CÔNG-QUÁ-CÁCH	9
ĐIỀU-LỆ CÔNG-QUÁ-CÁCH	16
PHẦN 1: CÔNG CÁCH.....	18
PHẦN 2: QUÁ CÁCH.....	29
LỜI VĂN NGĂN LÒNG DỤC	39
CỦA ĐỨC VĂN XƯƠNG ĐỂ QUÂN	39
12 ĐIỀU CẤM PHÙ HỢU ĐỂ QUÂN	43
SÁCH ĐẠO-KINH NÓI	44
VỀ NHỮNG ĐỒ NHƠ UẾ ĐỪNG ĐỂ GẦN BẾP	44
ĐỜI XƯA THẦY THẠCH-THIÊN-CƠ NÓI	45
LỜI-KHUYÊN-ĐỜI CỦA ÔNG LỮ-ĐỘNG-TÂN	45
ÔNG HỨA-CHƠN-QUÂN RĂN ĐỜI.....	46

LỜI NÓI ĐẦU

Trong Thiện thư của Lê Anh Minh có đoạn viết:

“Công quá cách” là “Những cuốn sổ ghi công – lỗi”. Công Quá Cách là một dạng bảng tự kiểm hàng ngày. Thiện ngôn thiện hành (lời lành việc tốt) được xem là công và được ghi vào công cách; Ác ngôn ác hành (lời ác việc ác) được xem là quá và được ghi vào quá cách (chữ “quá” nghĩa là «sai lầm, tội lỗi»).

Lời tựa của Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách viết: «Tu Chân chi sĩ, minh thư nhật nguyệt, tự ký công quá, tự tri công quá đa quả» (có nghĩa là: Người tu chân mỗi ngày mỗi tháng phải ghi rõ công và tội của mình để tự biết công và tội ấy nhiều hay ít).

Trong cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn (là “Bốn điều khuyên dạy của tiên sinh Viên Liễu Phàm thời nhà Minh (từ năm 1535- 1609), ông kể lại câu chuyện của chính cuộc đời mình cho con cháu. Năm 15 tuổi ông gặp Không tiên sinh và được Không lão đoán định số mạng, công danh cho ông. Trong vòng 20 năm, ông tự chiêm nghiệm những lời đoán này thì điều nào Không tiên sinh dự đoán đều đúng hết. Về chung cuộc, Không tiên sinh đoán định ông đỗ đạt không cao, không con trai nối dõi, năm 53 tuổi thì chết.

Năm 35 tuổi, ông được Vân Cốc thiền sư dạy cho cách chuyển đổi số mạng, Vân Cốc Thiền sư đưa cho ông cuốn “Công quá cách” bảo ông ghi hết những điều đã làm trong ngày; thiện thì được điểm, ác thì trừ điểm, để quyết tâm sửa đổi. Ông chân thực làm và ông đã chuyển họa thành phúc, cải tạo được vận mạng của mình: Ông đỗ tiến sĩ vào niên hiệu Vạn lịch thứ 14, có con trai là Thiên Khải, và thọ đến 74 tuổi.

Qua đó nêu rõ tính xác thực của lý nhân quả, khuyên người phải biết sợ sệt tránh xa những việc xấu ác và nỗ lực làm thiện.

Lão Pháp Sư Tịnh Không, có giảng như sau:

*“...Vào thời nhà Minh, “**Công quá cách**” rất phổ biến. Chúng tôi từ trên lịch sử xem thấy, vĩ nhân có thành tựu rất nhiều, đều là đã từng dùng phương pháp “**Công quá cách**” để kiểm điểm lỗi làm của mình.*

Công quá cách, hiện tại tại ở Đài Loan và Hương Cảng cũng rất lưu thông, nên có thể tìm thấy. Chúng tôi trong quá khứ cũng đã từng in ấn rất nhiều. Mỗi ngày đều đánh dấu, việc tốt đã làm trong ngày tôi tự mình đánh dấu. Mỗi ngày sai sót đã tạo, phản tỉnh lỗi sai, sai cũng đánh dấu vào. So sánh thiện ác, tôi ngày hôm nay đến cuối cùng là thiện nhiều hay ác nhiều? Thời gian đầu tôi làm,

nhất định là thiện ác lẫn lộn, có khả năng là ác nhiều hơn thiện, cảnh giác của bản thân liên tăng cao. Ngày ngày đều chân thật nỗ lực sửa sai, hi vọng đến một ngày, một khi mở công quá cách ra đều là thuần thiện không ác, thì bạn đã thành công rồi....” (Trích Liễu Phàm Tứ Huấn Giảng giải – Chủ giảng: Lão Pháp sư Tịnh Không).

Công quá cách có rất nhiều chủng loại, tương truyền Phạm Trọng Yêm, sinh năm 989 - mất 1052, ông là nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự, nhà giáo dục thời Bắc Tống¹ và Tô Tuân², sinh năm 1009 - mất 1066, ông là quan nhà Tống, và là nhà văn đứng trong hàng tám nhà văn lớn thời Đường -Tống trong lịch sử văn học Trung Quốc. Cả hai luôn có cuốn “Công Quá cách” theo bên mình.

Nhận thấy cuốn “Công quá cách” này quá quan trọng chúng tôi đã mạo muội biên tập lại cuốn “Công quá cách” trên cơ sở cuốn “Cảm Ứng – Âm Chất Giác thể - Công Quá cách - Tỉnh thể ngộ Chân”, nguyên bản: Của ông Mạch Quốc Thoại – Ở chùa ông Tân Uyên, Biên Hòa, do Cư sĩ Trảng Bàng Ấn Tống – Nhà xuất bản Xưa và Nay - Sài gòn năm

¹ **Phạm Trọng Yêm**, tiếng Trung: 范仲淹, (989 - 1052), tự **Hy Văn**, thụy **Văn Chánh**, là một nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự, nhà giáo dục thời Bắc Tống. Ông là người huyện Ngô, Tô Châu (nay thuộc Tô Châu, Giang Tô).

² **Tô Tuân** (chữ Hán: 蘇洵, 1009-1066), hiệu: **Lão Tuyền** là quan nhà Tống, và là nhà văn đứng trong hàng tám nhà văn lớn ^[1] thời Đường-Tống trong lịch sử văn học Trung Quốc.

1925, để cúng dường những người hữu duyên, giúp cho liên hữu xa gần có thể chuyển hóa thành phước, giúp người người hạnh phúc, nhà nhà hạnh phúc, XH hạnh phúc, và tạo nền tảng vững chắc cho việc thành tựu đạo quả.

Trong quá trình biên tập, do bản văn xuất bản từ năm 1925 nên có một số từ ngữ hơi khó hiểu, trúc trắc chúng tôi vẫn để nguyên bản, đồng thời phần chú thích cuối là do ban biên tập sưu tầm. Do trình độ nông cạn, học vấn thấp kém, chắc chắn không thể tránh được sai sót. Kính mong các liên hữu xa gần đóng góp ý kiến, chúng tôi xin tri ân và chân thành sửa đổi để lần tái bản sau được tốt hơn.

*Nhóm gia giới đệ tử đạo tràng 1108
thành tâm cúng dường.*

Hà Nội tháng 1/2017

LỜI TỰ CÔNG-QUÁ-CÁCH

*Tựa này của Quan-Đế³⁻ⁱ giản bút tại Kinh-Đô,
niên hiệu vua Gia-Khánh năm thứ 6⁴*

Quan-Thánh-Đế-Quân dạy rằng:

“Nguyên xưa ta là dân lành thời Đại-Hán, may gặp chúa thánh, kết nghĩa tại vườn-đào; thề trừ tội gian nhà Hán, đánh Ngô, phạt Ngụy, quyết đem về

³ Quan Thánh Đế Quân tức Quan Vũ, tự là Vân Trường (160-220). Ông là người đứng đầu trong Ngũ Hổ Tướng của Lưu Bị và là anh em kết nghĩa với Lưu Bị, Trương Phi. Sau khi Lưu Bị tiến quân vào Tây Thục và dựng nên nhà Thục Hán thì cục diện Trung Quốc hình thành thế thiên hạ chia ba: bao gồm Bắc Ngụy (đứng đầu là Tào Tháo), Đông Ngô (đứng đầu là Tôn Quyền) và Tây Thục (đứng đầu là Lưu Bị. Năm 219, tướng Đông Ngô là Lữ Mông đem quân đánh úp Kinh Châu. Quan Vũ thua trận chạy ra Mạch Thành và cầu cứu Lưu Phong (con nuôi Lưu Bị). Tuy nhiên Lưu Phong không đem quân ứng cứu, vậy nên Quan Vũ bị Lữ Mông bắt được và giết hại. Lưu Bị biết tin đem 70 vạn quân đánh Đông Ngô báo thù cho Quan Vũ. Tuy nhiên Lưu Bị mắc mưu của Lục Tốn bị thất bại đem tàn quân về Bạch Đế thành và mất tại Bạch Đế thành.

⁴ **Thanh Nhân Tông** (chữ Hán: 清仁宗, 13 tháng 11 năm 1760 – 2 tháng 9 năm 1820), hay còn gọi **Gia Khánh Đế** (嘉慶帝), là hoàng đế thứ 7 của nhà Thanh trong lịch sử Trung Quốc Mãn Châu, cai trị từ năm 1796 đến năm 1820.

nhà Hán (cho) họ Lưu. Không dè thiên-hạ chia ba, trong lòng tráng sĩ chưa toại, ta bị vây tuyệt lương tại Mạch-thành, cháu ta là Lưu-Phong không ứng tiếp, nên Kinh-Châu thất thủ, bởi mắc kế của tiểu-nhơn là Lữ-Môn, thiệt là khó từ tội ấy. Sau nhờ ơn anh rộng lượng, đã không chấp, lại hưng binh phạt Ngô mà báo cừu, cũng vì nghĩa tôi em mới bị thất, rồi về thành Bạch-Đế mà băng. Chiếm cứ một cõi Tây-Thục mà thôi, thật chưa thỏa nguyện. Nhớ tới việc cũ hổ-thẹn vô cùng, nhưng bởi khí số trời đã định, nên khó nổi giúp nhau.

Sau ta hiển thánh đã lâu, vâng Thượng-Đế cầm quyền trong thế-giới. Ngày kia ta tuần vãn đến tỉnh Giang-Nam, thấy lòng người càng ngày càng lung, phong tục càng ngày càng tệ.

Ta động lòng thương đời, vi phạm luật Trời rất nặng, cũng bởi chưa hiểu thiên-luật, nên không biết mà cử kiên (kiêng cử). Thấy vậy ta bèn tâu với Thượng-Đế, xin cho Phù-Hựu Đế-quân là Lữ-Động-Tânⁱⁱ chép cuốn luật phước tội, là Công-Quá-Cách, gián bút cho đời biết điều gì được mấy lành và điều gì bị mấy tội mà giữ mình.

Ta cũng có bổ thêm một hai điều, cho kẻ ngoan-ngạnh chừa lỗi (cải ác tùng thiện). Không dè có kẻ đại-ác, chê Công-Quá-Cách là sự trái, không tin sự tội phước. Thiệt rất uổng công chúng ta quá!

Hôm trước, nhằm ngày rằm tháng tư, ta đến châu đức Thái - Thượng Đạo - Tổ⁵, các thần tiên cũng có đến nữa, rồi qua phó hội nơi cung Diêu-Tri, ăn yến tại cung Tây-Vương-Mẫu. Có ông Lữ-Động-Tân với chư Tiên, đều trách đời không tin Công-Quá-Cách. Ta với các vị Thần Thánh, đều thở ra mà thôi, chớ hết chỗ nói nữa.

Nay gặp diệp Ngô-khả-Sư, với Châu-đại-Luận, hai người có lòng thành thỉnh Tiên, chánh ý cầu ta gián bút (gián cơ) nên ta phải xuống cắt nghĩa một lần nữa, cho rành sự tích Công-Quá-Cách. Hỡi ôi! Lòng người tập sự dữ (làm dữ) đã quen, thiệt không kể xiết.

1. Không ngay, không thảo, chẳng nghĩa, chẳng nhơn (nhân từ).
2. Không sợ oai trời, chẳng kiêng người lớn, không vâng lời của Thánh Hiền.
3. Mở miệng thì nói những chuyện không có, gọi là sự mới nghe;
4. Luận bàn sự nữ-sắc, gọi là sự khoái lạc;
5. Bợ nhà giàu không dám nói tên;
6. Khinh người hiền xánh - khéo mà kiêu ngạo. Bởi quen tánh xác xược;
7. Ý của mà hành hung; Khi có việc cầu người thì lay gần sới trán.

⁵ Đức Thái Thượng Đạo Tổ còn có danh xưng Đức Thái Thượng Lão Quân hay Đức Lão Tử

8. Bạn hữu mình nghèo thì lơ-lãng, làm mặt lạ không ngó tới nhau;
9. Đương lúc có của thì lo sắm sửa cho huê - mỹ, không biết lo đến ngày sau.
10. Ganh hiên, ghét ngổ, cứ bới lông tìm vết mà chê người.
11. Cười nhà nghèo, mà bợ kẻ giàu, không biết hổ thẹn, ít ai biết sửa mình mà chừa thói ấy.
12. Tuy mặt người nhưng lòng chẳng phải là người, vậy mà ai nói tới thì giận.
13. Đám ma mà dùng nhạc cho vui;
14. Gặp chuyện ăn mừng thì bày ra hát xướng, gọi là trả lễ cho linh-thần. Thần Thánh đâu có ham vui mà làm cho tốn của phàm dân? Vả lại bày sự nhơ nhớp trước mặt Thánh Thần, ấy là cầu tội chứ không phải là cầu phước.
15. Cũng như làm chay mà lại sát sanh, bày thịt thú vật trước mặt Phật, là chuốc lấy tội cho mình;
16. Xô giàng (?) làm cho người đập đồ ăn, thì là làm cho thêm tổn đức, chứ có phước chi. Bày nhiều điều lãng phí, mới sanh ra sự khó nghèo.

Kinh Minh-Thánh ta đã cấm sát sanh, kinh Giác-Thế ta đã bảo phóng sanh. Ta nào hưởng loại súc-vật mà cúng tế? Ấy là cãi lời ta dạy, bày ra ăn uống, lại đồ tiếng cho ta, cũng chẳng khác bày hát xướng cho Thần coi đó. Khắc bạc (Ác nghiệt) bất nhân mà muốn giàu bền sao đặng? Không

biết cần kiệm thì làm sao nên tiêu phú? Xa-xỉ
lãng phí thì giàu phải trở ra nghèo, vì hủy của
Trời, nên mau hết lộc, nếu hết lộc thì phải chết.

17. Có làm lỗi không chịu chữa cải, lại kiếm có mà
nói cho qua, chớ chẳng chịu cho người sửa quấy.
18. Làm dữ lại khoe tài giỏi, ai có can gián thì lại
giận hờn.
19. Xui gây gổ kiện thưa mà kiếm lợi;
20. Lo với chỗ quyền thế, như cáo mượn oai cộp
mà hại người.
21. Lòng độc như loài rắn, rết chẳng gươm đao, bút
độc như ong, hại người thêm nhức nhối;
22. Lại phân bì người đời trước, bàn luận việc xưa
nay, khoe việc văn chương, hay đặt điều trêu hoa
ghẹo nguyệt.
23. Gặp việc thì lui chân sợ chết; bình thường thì
khoe miệng đặt câu danh.
24. Ở quấy với bằng hữu lại đổ lỗi lỗi cho người.
25. Miệng nói ngọt như đường, lời giao ước chẳng
đặng bao lâu mà đã phụ.
26. Chuyện nhỏ mọn không đáng giận, cũng lo kể
báo thù.
27. Khoe mình sánh với người xưa, nghe lời luận
có nhiều điều kẻ vạch;
28. Khoe mình sánh với người hiền trước, xét ra thì
lòng quyết hại chúng mà lợi mình.

29. Vì sự lợi mà quên cha mẹ, có của nhiều mà không kể đến anh em.
30. Mỏ nhọn như chim gõ-kiến, hay nói thị phi;
31. Miệng độc như đuôi ong bầu, hay bày châm chích.
32. Thường năm con ta tau (hàng năm còn tau trình ta) về sự xin xăm:
Nhiều kẻ hỏi chuyện ruộng vườn, chuyện nhà cửa, sự công danh, sự tài lợi, chớ không ai hỏi chuyện quả báo và tội phước của mình.

Mỗi tháng Châu - Thương trình về sự hứa nguyện: Nhiều kẻ hứa cúng áo, cúng liễn, cúng dầu, lập chùa miếu, chớ không ai nguyện in kinh cho thiên hạ.

33. Lòng người gian dối, tập tục xấu đã thành, cứ làm sự dữ dư muôn ngàn kẻ đà không xiết. Dầu lấy hết nước biển, nước sông Huỳnh-Hà mà rửa cũng không sạch được.

Nay ta sẵn lòng đến đây là vì việc ấy. Rất đôi ta còn ngồi đây, mà chúng nó cũng nhỏ to bàn luận, nếu ta đi rồi, chắc chúng nó sẽ bài bác chớ chẳng không. Mấy thừa mà biết ăn năn đặng sửa mình cho chánh. Song ta chẳng nỡ đãi người như cầm thú, nên không ngại mỗi miệng mà nói dai, gắng nói hết lời

cho người đời tỉnh lại, ví như ngọn đèn gần tắt, mà cũng nhán lại một cái rồi mới tắt luôn.

Bởi ta theo lòng Trời rộng dung mà đợi người chữa lỗi, cũng như lòng vua thánh khóc kẻ có tội, mà khuyên những người sau. Thiệt nói một câu mà sa một giọt lụy. Lòng ta thương bá tánh vô cùng, khá sớm hồi tâm, như kẻ làm hàng bỏ dao thọc huyết, rồi tu lâu cũng có lẽ thành Phật được. Mau gẫm lại, như vén mây ngút thì thấy trời xanh. Ta nói ra càng động lòng, người nghe qua nên tạc dạ, nếu thấy lời này mà không học, thiệt kẻ cừ-khôi, nếu nghe lời ta mà không vâng theo thì là người liều mạng. Rất đối sãi xưa giảng kinh Phật, cục đá cũng gặt đầu, lẽ nào người mà không bằng đá. Dầu lòng độc ác, mà nghe lời lành thì cũng động chút lương tâm, nếu chẳng ăn năn, thì chịu tội sao cho nổi?

Phải sửa! Phải sửa! Sửa cho ra thể con người.

Phải suy! Phải suy! Suy cho ra sự lỗi.

Ba mươi khoan nói lành nói dữ, cũng như thuốc đắng trị bệnh người đời; Máy ngàn câu dạy thảo dạy ngay, thiệt là luận nghiêm, định phần thưởng phạt. Người trí cao thì gọi là sự thường, kẻ ít học phải giữ làm là luật. Kẻ thông đạo lý, không cần phân sự họa phước với quỷ thần. Muốn sửa lòng dân, nên phải giảng việc dữ lành và báo ứng.

Nếu ai vâng theo Công-Quá-Cách được một năm, thì được phước gia bội, đặng mười năm thì thêm một kỉ⁶, khỏi bị ôn dịch, cầu gì được nấy.

Nếu không tin mà kiêu ngạo, thì sẽ bị lửa trời, lửa đất, lửa người đốt liên và roi sắt, roi vàng, roi người áp tới. Chết rồi đầu thai ra súc vật, không được trở lại làm người, chừng ấy ăn năn sao kịp.

Đội trời, đạp đất thì phải cải dữ làm lành, đừng liều mạng hủy mình, để tới đâu hay tới đó. Như vậy thì ta mừng cho, chớ khá quên lời dặn.

ĐIỀU-LỆ CÔNG-QUÁ-CÁCH

Những kẻ mới thấy Công-quá-Cách, biết ăn năn chừa lỗi, chịu giữ theo đây, thì tội trước được tha, kể từ về sau mới tính lỗi.

Ai muốn giữ theo Công-quá-Cách, thì sắm một bốn sổ, mỗi ngày xét mình coi đặng (được) mấy lành và mấy lỗi, rồi ghi vào sổ. Cuối tháng cộng lành và lỗi lại trừ, còn dư thì ghi dưới tháng ấy. Rồi qua tháng khác cũng làm như tháng trước.

⁶ Kỉ -12 năm

Song phải lấy lẽ công bình mà ghi, chớ khá lấy lòng tư mà dung tội cho mình, việc lành và việc dữ cũng ghi cho thiệt, chớ đừng có bỏ qua. Như vậy thì tháng đầu lỗi nhiều lành ít, lần lần lành lỗi bằng nhau, lâu lâu thì nhiều lành ít lỗi. Tới hết lỗi, thì thiện căn đã thâm rồi, (nhiều rồi) tự nhiên gặp phước. Nếu lâu năm lành được nhiều, sau thác có Thần Tiên rước hồn. Chớ như làm lỗi thì ghi, ghi rồi, làm lỗi nữa, không biết chưa lỗi, thiệt là ghi tội thêm cho mình đó.

MỤC-LỤC

TAM THIỆN (3 điều lành)

Ý thiện: 56 điều	(Lòng lành: 56 điều)
Ngữ thiện: 39 điều	(Nói lành: 39 điều)
Hành thiện: 72 điều	(Làm lành: 72 điều)

TAM ÁC (3 điều ác)

Ý ác: 59 điều	(Lòng dữ: 59 điều)
Ngữ ác: 57 điều	(Nói dữ: 57 điều)
Hành ác: 120 điều	(Làm dữ: 120 điều)

PHẦN 1: CÔNG CÁCH

	Phần I: Làm thiện	Công
I	Ý thiện	
1	Trong lòng thanh tịnh, không tính một mảy việc quấy, mỗi ngày	10
2	Trong lòng không quên cha mẹ, hết lòng yêu kính, mỗi ngày	10
3	Hằng tưởng lời Thánh Hiền, trong lòng xét nét mà ở, mỗi ngày	10
4	Làm việc chi, cũng tưởng như có Trời, Đất, Quỉ, Thần soi xét, (mỗi ngày/mỗi việc)	1
5	Ngồi một mình, kiêng nể như có khách quý mỗi ngày	10
6	Ngồi không thì hay xét tội mình	5
7	Hằng tính việc làm phước cho người, mỗi ngày	10
8	Nhớ ơn người, hằng lo báo đáp	3
9	Tính làm việc phải thì sẵn tới, không hồ nghi chi tiết	5
10	Vui vẻ không giận hờn, mỗi ngày	10
11	Cải ác từng thiện, rắn lòng không dám phạm nữa	1000
12	Nghe người nói sự tục tĩu mà chẳng động lòng	5
13	Thấy gái tốt mà chẳng động lòng	50

14	Nghe người nói phải, thấy làm phải, mà biết mền trọng	1
15	Nghe người nói dữ, thấy làm dữ, mà biết răn lòng	1
16	Người nhờ cậy giúp sự phải, mình hết lòng lo giúp	10
17	Đương cơn giận, mà biết dần lòng	10
18	Đương vui mừng khoái lạc, mà biết răn bớt	3
19	Lúc giàu sang mà cam lòng đạm bạc	5
20	Lúc khó hèn mà không phàn nàn than thở, mỗi ngày	1
21	Tuy nghèo khó mà không biến ra sự sai quấy, mỗi ngày	1
22	Dầu túng lắm cũng không tính sự gian trá mà đỡ ngặt	30
23	Người ở vô lễ với mình mà không chấp, mỗi việc	10
24	Người toan mưu lẩn mình, mà không lòng tranh cự, mỗi việc	10
25	Lỡ mịch lòng người, mình tính hóa giải cho người hết giận	10
26	Trong lòng bất bình, nhưng cố nghĩ cho ra lỗi mình mà bỏ qua	10
27	Thấy người rủi ro, mình đem lòng cảm thương	1
28	Thấy người gặp sự may thắng, mà mừng giùm	3

29	Thấy người tài cao, mà lòng mình kính phục	1
30	Thấy người đói khó đem lòng thương xót	1
31	Thấy người siêng-sắn, mệt nhọc, mà thương	5
32	Thấy người quê mùa lầm lỗi, mà lòng không khinh khi	1
33	Thấy người có của quý báu, mà không ước về mình	1
34	Thấy người giàu sang, không lòng tham mến	10
35	Không sợ đỡ đạng cậy thế có thể cầu thân được mà không màng	30
36	Thấy người suy sụp mà không lòng khinh dể	50
37	Thấy người tuổi tác, thông thái, thì đem lòng cung kính	3
38	Thấy người có đức hạnh, thì đem lòng tôn kính	5
39	Thấy đứa ngu dốt ở vô lễ mà chẳng giận	3
40	Thấy người cố thực mà không ghét	1
41	Nghe người nói không gốc, nói huyễn mà chẳng chê	1
42	Thấy người ở phải, lòng hằng trông Trời thưởng phước	5
43	Thấy người ở quấy, hằng sợ sẽ bị họa	10

44	Nghe người làm sự lành, mà không nghi đồn huyễn	1
45	Nghe người làm sự dữ, mà chưa tin	5
46	Bị nạn chẳng giận	10÷50
47	Bị người chê bai, mà không cãi lẽ	10÷50
48	Chịu lỗi thế cho người ép mình gánh lỗi	10÷100
49	Nhượng phần phải cho người. Nhượng người hơn mình	10÷100
50	Nghe một lời nói trái tai mình, mà dẫn lòng được	5÷50
51	Tuy người khen mình, mà mình biết răn lòng xét nét	5
52	Tuy người bợ đỡ, mình càng khiêm nhường	5
53	Thói đời hay đưa theo ngọn gió, mình chẳng chấp làm chi	1
54	Tôi tớ đáng giận mà không giận	1
55	Trọn một ngày không nói xằng-xớm, không hờn giận	1
II	Khẩu thiện	Công
28	Lấy lời phải mà dạy vợ, con, em, tôi tớ (mỗi ngày/mỗi việc)	1
12	Khuyên dạy thân thích bà con hòa thuận	100

1	Can gián khuyên giải cho khỏi việc hại người	10÷100
2	Khuyên dạy một người nên đức hạnh	200
3	Khuyên một người cải ác tùng thiện	
-	Người thường	30
-	Học trò	100
-	Quan	300
4	Khuyên một người đừng phá thai	200
5	Khuyên một người đừng giết con	500
6	Khuyên một người sống sao cho có hiếu	
-	Nó chẳng nghe mình	10
-	Nó nghe theo mình	100
-	Nó chừa bất hiếu luôn	1000
7	Khuyên một người hòa thuận với anh em	
-	Nó không nghe	10
-	Nó hồi tâm luôn luôn	1000
8	Khuyên bà con của người hòa thuận với nhau	50
9	Thầy chùa, thầy pháp, thầy thuốc, thầy dạy học:	
-	Khuyên một người làm lành	1
-	Khuyên thảo với cha mẹ, thương kính anh chị	2
10	Khuyên can kẻ săn bắn, làm hàng, chài lưới bắt cá	
-	Nó không nghe mình	10

-	Nó giải nghiệp (nó được 1000), mình được	100
11	Khuyên những kẻ đánh bạc, chơi điểm, ghiền, xài lớn, hồi tâm được	100
12	Khuyên một người bỏ bài bạc	50
13	Khuyên một người thôi chơi điểm và hết ghiền	50
14	Khuyên một người thôi kiện	10÷50
15	Khuyên một người thôi đánh lộn	5
16	Khuyên một người hết giận	3
	Ba điều nói trên đó, nếu việc bà con của nó với nhau, thì lành bằng hai	
17	Khuyên dạy 1 người cần kiệm, siêng làm mà tiện-tặng	100
18	Khuyên mấy người bạo tánh nóng nảy, đổi tánh hiền hòa	
-	Nếu không nghe mình	1
-	Nghe lời mình	10
-	Chừa tánh nết, mình đặng	50
19	Khuyên người đừng nói sự đàn bà hư, thất tiết, tục tũ	20
20	Thấy ai nói chuyện lỗi của người, thì mình khuyên can	3
21	Thấy người chê bai Thánh Hiền, thì lấy nghĩa lý mà giải	10
22	Đặt sách khuyên thiện, khuyên người làm lành, 1 câu	1

23	Gặp người thì nói việc phải và lòng ngay dạ thẳng, mỗi việc	10
	Nếu khuyên người ở được như vậy	100
24	Gặp người mà giảng một việc quả báo, một việc	1
25	Chuyện gì người chẳng biết mà mình dạy giùm	5÷50
26	Người ta hỏi thăm thì nói ngay chẳng giấu	1÷5
27	Người ta hỏi thăm đường, chỉ cho rành	1
28	Dạy người biết trị nhà, giữ mình, mỗi việc	1
29	Thấy người lo sợ thì kiếm lời khuyên giải	1
30	Cắt nghĩa cho một người khỏi hàm oan	50÷200
31	Nói một lời có đức hạnh	100
32	Khoe một người lành	1÷5
33	Khoe một người có đức hạnh mà làm gương	10÷30
34	Che đậy một sự tội lỗi của người	10÷50
35	Tiến cử một người có đức	50÷100
36	Can kẻ làm việc quấy	5÷50
37	Không nói dối, nói láo, nói quấy, mỗi ngày	5
38	Làm thính, mỗi ngày	3

III	Hành thiện	Công
1	Hoán cải cha mẹ cải ác vi thiện	100
2	Chịu đựng khi cha mẹ buồn bực, cáu giận	100
3	Cha mẹ hậu đãi ai, mình cũng hậu đãi	100
4	Không trì hoãn việc mai táng cha mẹ	100
5	Chu đáo lo việc tang ma cha mẹ	50
6	Người muốn phá tiết đàn bà mà mình cản	500
-	Nếu con gái, cô vãi, người chồng chết, bảo hộ cho các kẻ ấy	1000
7	Kẻ già không con, có sức cưới vợ hầu cho khỏi tuyệt tự	500
8	Lập tự cho một người vô hậu	100
9	Cưới vợ cho đứa mồ côi	200
10	Giúp một người lưu lạc được về xứ sở	100
11	Thấy người hiếp đáp kẻ góa bụa, mồ côi mà bình vực	50
12	Dắt kẻ già, bệnh, tật nguyên, đi qua cầu, đường có lợi, đường xe	1
13	Tôi-tớ ăn cắp nhỏ mọn, hoặc làm lỗi mà bỏ qua	10
14	Tôi-tớ đáng tội mà tha, lại khuyên dạy nữa	5÷50
15	Đày tớ gái đúng tuổi thì gả nó	50

16	Chôn cất đưa tội-tử cho tử tế	10
17	Biết xét sự lao khổ cho kẻ dưới tay	1
19	Lợi ích cho 1 người	1
20	Giúp một người được sự tử tế	10÷100
21	Người nhờ cậy mình việc phải, hết sức giúp nên, mỗi việc	10
22	Đỡ việc nặng cho người	1
23	Bảo hộ một người hiền lành	10
24	Khóc một người có tiết nghĩa, mà làm gương cho đời	100
25	Trả ơn một người	5÷50
26	Bỏ qua một người cừ oán	5÷50
27	Không nở thừa dịp người nghèo ngặt mà mua đồ rẻ	5÷50
28	Gần thầy hay bạn lành, mỗi ngày	8
29	Dạy người học hay; Dạy người đức hạnh; Dạy người làm nên nhà	200
31	Ăn chay không sát-sanh, mỗi ngày	1
32	Ăn cực (không hủy của), mỗi ngày	1
33	Tiệc gạo lúa, không hủy hoại, mỗi lần	1
34	Cơm rót dưới đất dơ mà lượm lên, mỗi hột	1
35	Nếu rửa sạch mà ăn, mỗi hột	10
36	Mượn đồ của người, biết cung dưỡng, và trả y kỳ đúng hạn	1

37	Giữ gìn một món đồ cho người khỏi hư	1
38	Không đổ nước sôi xuống đất, e chết trùng và kiến, mỗi lần	1
39	Làm cầu, đắp lộ	100
40	Xây thêm lộ, mỗi thước	1
41	Đắp đường, sửa lộ, mỗi thước	1
42	Đào một cái ao, một cái giếng	10
43	Lượm chông gai và miếng sành ở giữa lộ mà bỏ đi, mỗi lần	1
44	Lập các sở cứu giúp người, như nhà thương thí, trường học, thí sở, thí lúa, cơm, cháo, thuốc, giúp một người	1
45	Bày đầu làm sự lành, như cất nhà mát cho bộ hành nghỉ nắng, trú mưa. Đưa đồ thí; Thí cháo; Thí trà; Lượm giấy chữ; Phóng sanh	10÷100
46	Thắp đèn thí, mỗi đêm	1
47	Lúa gạo bán rẻ, mỗi 100 đồng điều	1
48	Bán rẻ, mỗi ngày	1
49	Bố thí cho kẻ cô-cút, già bệnh, tật nguyên, mỗi người	3
50	Cho sãi, hoặc ăn mày, hoặc người lỡ đường, ăn một bữa	10
51	Thí cháo, mỗi người	1
52	Cho kẻ đói ăn một bữa	1
53	Cho kẻ khát nước uống một lần	1

54	Thí trà, nước, nước gừng, mỗi ngày	10
55	Cho người quần áo trong cơn gấp	1
56	Thí đồ che mưa cho một người	1
57	Thí thuốc cho người uống, mỗi lần	1
58	Dùng phương phép, thuốc men, cứu một người bệnh nặng	20
59	Nuôi một người bệnh tới mạnh	30
60	Thí một cách huyết mà chôn người	20
61	Thí một khuôn hàng (một cái hòm)	20
62	Chôn một thân vô chủ	50
63	Chôn thú vật chết, mỗi lần	1
64	Đốt giấy nợ cho người nghèo	10÷1000
65	Xí được của rơi mà cho lại y số	50÷500
66	Cứu một người khỏi bị đánh khảo	30
67	Cứu một người khỏi đày	100
68	Cứu một người khỏi bán vợ con	300
69	Cứu một người nguy cấp	5÷50
70	Cứu mạng người không tội	500
71	Cứu một mạng dê, heo, gà, vịt, ngỗng... một mạng	3
72	Cứu một mạng chim, cá, trùng, kiến... một mạng	1
73	Cứu một mạng trâu, chó, ngựa	5÷50
74	Lượm giấy chữ Nho mà đốt, đem đồ tro xuống sông, mỗi miếng	1
75	Chép một khoản quả báo, hoặc lời khuyên mỗi điều	1

76	Cấm sách nói tục tĩu, dâm loạn, hoặc vẽ hình tục, thuốc trắng	200
	Nếu mình làm ra, biết ăn năn mà đốt đi, bỏ đi, không bày nữa	1000
77	Khắc bản kinh mà thí cho người	100÷500
78	Chịu tiền in mà thí, mỗi cuốn	1
	PHẦN 2: QUÁ CÁCH	
	Phần: Làm ác	Tội
I.	Ý ác	
1	Khinh Trời	1000
2	Khinh Vua	1000
3	Khinh ông bà, cha mẹ	1000
4	Nghi cha mẹ thương đứa nhiều đứa ít mà hờn mát	1000
5	Tuy nuôi cha mẹ nhưng mệt nhọc mà oán, hoặc là kêu và trể nải, làm cho cha mẹ ưu phiền, mỗi việc	500
6	Bạc đãi những người cha mẹ mình yêu mến	500
7	Cha mẹ dạy phải, miệng "dạ" mà lòng không "vâng" mỗi việc	500
8	Bày mưu kế mà khinh phép công (phép nước)	50÷500
9	Vì của mà ganh ghét anh em	500
10	Vì tranh gia tài sanh kiện thưa	1000

11	Tính sự dâm loạn, sự tham, sự ganh ghét, sự dối đời, mỗi ngày	10
12	Lòng háo thắng, hay ganh ghét	10
13	Mong lòng hại người	100÷ 1000
14	Thấy người may mắn thì ganh-ghét	30
15	Thấy người rủi ro thì khoái ý	30
16	Thấy người mạnh ăn mà ghét	1
17	Chưa biết mặt người, chưa thấy việc quấy của người mà chê bai	30
18	Nghe người có làm việc lành mà không tin	10
19	Lòng biết thua người, mà ngoài nói giọng không nhường	1÷10
20	Tài mình còn sút kém mà ngạo kẻ hơn mình	30
21	Gọi mình là phải, ai nói phải cũng không nghe	10÷100
22	Mình tính không phải, mà giận người không nghe lời	10
23	Biết lỗi mà không chịu, kiếm có chữa mình hoài	10÷ 100
24	Nghe nói lành thời biết phải, giây lâu bỏ qua không chịu cố	50
25	Tính làm lành làm phước, không bao lâu trể nải bỏ qua	50

26	Học thua người mà không hổ thẹn, không gắng công, mỗi ngày	1
27	Hay giận, hay nóng, hay bất bình, toan mưu độc, mỗi ngày	10
28	Giận lây	10
29	Việc nhỏ mà giận to, mỗi việc	1
30	Không phải chuyện mình mà giận dữ, mỗi việc	1
-	Nếu trái lẽ, mỗi việc	2
31	Nghèo khổ mà trách Trời, oán người, mỗi việc	10
32	Mong lòng hại người cho lợi mình	10
33	Vay mượn không được, lại thù oán người	50
34	Thiếu nợ không lo trả, người đòi lại giận	50
35	Ngó thấy của người thì muốn lấy	30
36	Thấy sắc tốt thì muốn cho được	30
37	Mưu thâm đoạt ruộng đất và gia sản của người	100
38	Trong lòng muốn lãnh của cho, mà nói hơi từ chối	1÷10
39	Ao ước sự quá bồn phận	10
40	Mơ ước sự không có, mỗi việc	1
41	Chuyện qua rồi còn cố mãi; Sự chưa tới mà tính hoài, mỗi việc	1

42	Cảm ơn người mà không lo trả	50
-	Ỗn trọng	100
43	Thấy sát sanh mà khoái ý	20
44	Lòng biết người ấy lỗi, mà ngoài bợ đỡ a dua	10
45	Người nói phải, song trái tai thì giận	10
46	Nghe lời vợ, không xét phải quấy	3
47	Không nhường kẻ lớn	50
48	Khinh dể người, không dè dặt, kiêu ngạo, khinh khi, mỗi việc	1
49	Không biết thương kẻ dưới tay đối lạnh và lao khổ, mỗi ngày	1
50	Thấy người ăn cực khổ (hầm hút) mà chê thẳm	1
51	Thấy người vụng về và dốt nát mà khinh thẳm	1
52	Vừa lúa đợi giá cao, nhà nghèo đói mua không bán	50÷500
53	Ỗ giàu sang mà làm kiêu làm thái, mỗi việc	10
54	Ỗ tài Ỗ tận, muốn làm gì thì làm, không kể phải quấy.	10÷100
55	Cúng tế ông bà, mà không lòng thành kính	10
56	Tế thần mà không lòng cung kính	30
57	Ghét người tu niệm	5

II.	Ngũ ác	tội
1	Chê bai Thánh-Hiền	50
2	Chê bai Phật, Tiên và Thần	50
3	Chê lời nói của Thánh-Hiền, mỗi lời	1000
4	Chê kinh sách	30
5	Kêu ngạo câu (trong) kinh sách	30
6	Nói chơi tới Thánh Hiền, Tiên, Phật	30
7	Mắng mừa, chửi gió, trách lạnh, trách nực nóng, nói vô lễ	50
8	Chê bai việc Triều-đình	20
9	Khinh dể quan sở tại	10
10	Nói hỗn với cha mẹ, ông bà, mỗi lời	1000
11	Nói sự lỗi của cha mẹ	500
12	Cha mẹ làm việc lành thì cản, mỗi việc	100
13	Sui cha mẹ làm dữ, mỗi việc	100
14	Nói dối với ông bà cha mẹ, mỗi lần	50
15	Nói xúc phạm cô-bác và thầy	500
16	Nói xúc phạm tới ông bà cha mẹ người	30
17	Nói sự lỗi của người bề trên mình	30
18	Chê bai một người đức hạnh	50÷500
19	Nói vô, nói ra cho anh em người xa nhau	500
20	Nói một sự quấy của người	5

21	Nói thêm sự lỗi cho người	10÷100
22	Nói bớt một sự phải của người	5
23	Nói châm biếm người (nói quanh, nói xa)	10
24	Ngạo một người	30
25	Nói xúc phạm người	5
26	Nói lời độc ác cho người nhức nhối xồn xang	10
27	Mắng người	5
28	Mắng nhiếc trước mặt người, không dung đến thể diện	20
29	Sau lưng hay bàn luận sự quấy của người	1
-	Nếu về sự thể diện	2
30	Nói hành (mắng lén người)	3
31	Rình chuyện tư của người	5÷50
32	Bươi móc sự riêng tư của người	10÷100
33	Bán-rao sự kín buồng-the của người (sự tư-tình)	100
34	Đặt điều nói cho một người đàn-bà mất tiết	500
-	Nếu vì lời huyên ấy, làm cho vợ chồng rã rời, hoặc sanh tử	1000
35	Sui người làm quấy	5÷ 50
36	Người không lỗi mà bới lông tìm vết	30
37	Lấy sự trái lẽ mà sỉ nhục người, gọi là mình phải	10

38	Nghe lời nói gian mà chê đê người phải	10
39	Nói lổi người mà không xét mình, như hợm cờ bạc, chê bợm rượu	10
40	Người nói làm lổi, nói hoai không thôi	10
41	Nói chơi độc, châm biếm nặng nề	5
42	Nói chuyện tục tĩu, chửi thề	10
-	Nếu có trước mặt trẻ nhỏ	20
43	Nói dị-đoan trái lẽ	10
44	Nói một lời tổn đức (thất đức)	10
45	Nói đi nói lại không nhượng một lời	5
46	Nói xàm, nói bậy	5
47	Nói trây (bừa) một lời	1
48	Nói láo một chuyện	5÷50
49	Đặt một chuyện huyền hoặc	5÷50
50	Nghe chưa chắc, đã lưu truyền và dị nghị	5÷50
51	Khoe tài giỏi (khoe mình)	1
52	Chữa lổi cho mình, không biết ăn năn chữa cải	30
53	Say rượu, nói hỗn hào, vô lễ, không sợ	5
54	Không biết cử kiên (nói không kiêng kị ai)	5
55	Bà con nghèo không nhìn tới	20
56	Khinh dể kẻ không biết, kẻ quê-mùa	1
57	Điều-cợt kẻ khờ, người thiệt-thà	1

58	Mắng nhiếc ăn mày	1÷2
59	Chọc gài	30
III	Hành ác	Tội
1	Nghịch với ông bà cha mẹ, mỗi việc	1000
2	Làm lợi cho vợ con nhưng gây tổn hại cho cha mẹ	100
3	Mặt sưng mày sĩa với cha mẹ	10
4	Nóng giận và ngược đãi cha mẹ	20
5	Ăn uống không dành phần cho cha mẹ (mỗi lần)	1
6	Khi cha mẹ đau ốm, không quan tâm chăm sóc	50
7	Chán ghét ghê tởm cha mẹ già yếu tật nguyên	10
8	Thiếu sót với cha mẹ (mỗi lần)	10
9	Khâm liệm cha mẹ vội vã qua loa	100
10	Trì hoãn quá lâu việc mai táng cha mẹ	100
11	Làm cho ruột thịt xa nhau	1000
12	Thả con cháu ra làm dữ	500
13	Không biết dạy con	200
14	Cưng con quá lễ (quá mức)	5
15	Nghe lời vợ, xa anh em và thân tộc	100
16	Phá vợ chồng người	300
17	Xui một người kiện	300

-	Nếu vì vụ kiện ấy mà hai đảng thiệt hại	600
18	Ăn hà-lạm thuê nước	20
19	Giấu của xí được	20
20	Giấu chúng mà hưởng lợi riêng	5
21	Hủy hoại lúa gạo, hủy của Trời, mỗi lần	5
22	Ăn xài thái quá, mỗi ngày	1
23	Đồ mượn của người mà không cung dưỡng	10
24	Làm hư một món đồ của người	5
25	Mượn đồ không trả	5
26	Thất tín (sai lời hẹn) mỗi lần	5
27	Nhà giàu bòn-sén, không bố thí, mỗi việc	5
28	Khinh dể kẻ đói khó	5
29	Dụ dỗ một người làm quấy	300
30	Giúp sức người làm dữ	100 ÷ 200
31	Giết chim cá, hay là loài côn trùng, một mạng	3
32	Giam cầm loài cầm thú, mỗi ngày	1
33	Đến nó chết	10
34	Bệnh còn hồ-nghi chưa chắc cội rễ mà thầy dám hốt thuốc cho làm	50
35	Làm bạn với người dữ	
-	Mỗi ngày	10
-	Mỗi người	10
36	Làm bạn với kẻ chẳng lành, mỗi lần	1

37	Gái trai ăn ngồi lộn lạo, không phân biệt	3
38	Học trò làm biếng bỏ học, mỗi ngày	3
39	Dạy học trò không hết lòng, một ngày	3÷30
40	Tay không sạch mà đỡ sách (kinh)	3
41	Đồ có chữ mà bỏ nơi giường, nệm, chiếu	3
42	Bỏ giấy (có) chữ một miếng	5
-	Bỏ dưới dơ	10
43	Nằm xem kinh sách, mỗi lần	1
44	Không biết gì mà dám hủy kinh sách	100
45	Cúng cơm giỗ chạp trễ ngày	20
46	Tin tưởng Quỷ, Thần, cúng đình chùa mà bất hiếu với cha mẹ, ông bà, cô bác, anh em, mỗi lần	30
47	Tham vui buồn lung, mỗi ngày	10
48	Hát một thứ tuồng dân ác (hoa nguyệt)	20
49	Ở gát người ta (tranh phần hơn)	1
50	Phá đám người khác	5
51	Vô lễ: Không chào người, hoặc người chào mà không đáp lễ	5
52	Trước mặt nói phải sau lưng nói quấy	5
53	Khoe danh cho được tiếng khen	5
54	Biết người bị hàm oan, có thể cứu mà không cứu	50

55	Người mắc nạn, mình cứu được mà không cứu	50
56	Giúp việc cho người mà chẳng hết lòng	10
57	Cơn giận dữ lán người, mỗi ngày	10
58	Đi đại, tiểu, tắm, rửa, không tránh mặt nhựt, mặt nguyệt, sao	3
59	Khinh dể mặt nhựt, mặt nguyệt và các vì sao	50
60	Phơi đồ uế-trược	50
61	Làm biếng, mỗi ngày	10

LỜI VĂN NGĂN LÒNG DỤC CỦA ĐỨC VĂN XƯƠNG ĐẾ QUÂN

Biển nghiệp mênh-mông, dữ đầu dục chẳng qua đều do sắc dục;

Cõi trần tán-loạn, dễ lụy mình duy có món tà dâm.

Đáng anh-hùng, tài nhỏ núi, thế trùm đời, mắc chuyện ấy mà bỏ mình mất nước.

Trang nho-sĩ, miệng nhiều thêu, lòng gấm vóc, hơn điều này mà hại tiết hư danh.

Vì ban đầu một sự tưởng đà sai:

Bèn gây đến trọn cả đời khó chuộc.

Sao đi nữ: Trao thói dâm bữa bữa hừng lên;

Bỏ thiên lý tấm tấm lụng xuống.

Lấy những nét đáng thương đáng xót, trở lại làm đất kẻ mừng vui.

Chắc những điều chúng giận chúng chê, diêm nhiên vậy không hề biết thẹn.

Chạm khắc thơ từ lời dâm-dục;

Luận đàm mỹ sắc chuyện hung-hăng,

Ven lộ thấy nàng lịch-sự, dòm muốn rớt tròng; trong rèm nom gái nồn-nà, thương hồng đứt ruột.

Hoặc nàng trinh tiết, hoặc gái đức lành, nên kính nên khen thì đã đáng; nữ bày mưu dụ-dỗ, mà hại người cho không vẹn nét-na.

Như vợ tôi-tớ, như ả thị-tỳ, phải thương phải xót mới rằng là; sao cậy thế bức dâm, mà khiến nó trọn đời nhơ tiết.

Có phải là: Đã khiến họ-hàng người ngậm xấu;

Gây cho con cháu chúng mang nhơ.

Đều cũng bởi: Lòng ngu, khí trọc, hiền tránh, nịnh gần.

Há có hay:

Trời đất không dung, thần người rúng giận.

Hoặc vợ con trả nợ. Hoặc con cháu đền bù.
Những mồ mả mấy người tuyệt tự;
Xưa là tay háo sắc cuồn đồ.
Những ông cha các ả thanh-lầu;
Gốc thiết bọn tham hoa lãng tử.
Mạng phải giàu thì lầu ngọc bộ bơi;
Phần ưng quý thì bản vàng tên nọc.
Tội phải đòn, roi, lưu, đày, chết chém;
Còn sống thì mang ngũ trọng hình.
Sa vào địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh, đến thác lại
chịu tam đồ khổ.
Các điều ân-ái khi xưa, chừng đó rồi không cả.
Những chuyện phong-lưu buổi nọ, lúc này ở nơi
mô?
Đến khi sau hối ngộ mà không theo;
Sao chẳng sớm liệu lo mà chớ phạm.
Kính khuyên bọn thanh niên giai-sĩ: (Trai lịch
còn thơ).
Cùng với hàng huỳnh quyền danh lưu (ăn học
có danh).
Phải mở-mang mà giác-ngộ tấm lòng:
Đặng khai phá cho khỏi ngăn ma sắc.

Kìa mặt trắng phù-dung thớ-thớ, bắt quá thì thịt
bọc cốt khô kia;

Nọ má hồng trang-điểm xinh-xinh, thiệt giống
giết người đao bén đó.

Dẫu thấy mặt gái nào tợ hoa tợ ngọc của ai:

Hằng gìn mình xem thể như chị như em ta vậy.

Nếu ai chưa mắc đến chuyện này;

Phải ngừa trước đừng cho vấp cẳng.

Bằng người đã vương rồi việc ấy;

Xin sớm mau mong-nả quày đầu.

Lại trông xây trở thông lưu, đắp-đổi cùng nhau
khuyên dạy. Ất là được: Chón chón thấy trở về
đường giác;

Người người đều qua khỏi bến mê.

Mỗi dũ dầu đã bỏ đã trừ;

Các tà mị bèn tiêu bèn tán.

Như vậy thì:

Linh-đài chẳng chúc buổi nhơ.

Cả đời sang trọng, truyền ra lâu dài, vậy ru!

Vậy có thơ rằng:

Sinh tiền vốn thiệt đẹp dường hoa,

Đến thác rồi ai thấy được mà?

Dầu có lịch-xinh thêm đánh bóng;
Cốt hài cũng phải thịt bao da.

Thốt-nốt: NGUYỄN-HÙNG-HOÀNH
TRỌNG-QUYỀN
Kính dịch

12 ĐIỀU CẤM PHÙ HỮU ĐẾ QUÂN

Ông Phù-Hữu Đế-Quân là ông Lữ-Đồng-Tân, vâng chỉ Ngọc - Đế gián cơ khuyên đời, cấm 12 điều phạm tội với ông Táo:

1. Chửi rửa trước bếp, sẽ bị mọc mụn ghẻ trong miệng, lưỡi và ra máu mủ.
2. Gõ trên bếp, trên chảo, nồi, trách, trả, sẽ bị co rút tay chơn, sanh con ngỗ-nghịch,
3. Chum củi dơ, vẩy phần, hơi như-uế bay lên trời, sẽ bị ôn dịch.
4. Đốt xương thú, lông loài cầm, (gà, chim) hơi than khét bay lên, sẽ bị nhiều bệnh dữ.
5. Rửa chân gần bếp, sẽ bị sản nạn, hoặc là đi nhót và phong cùi
6. hong áo gần bếp, sẽ bị nuôi con không đặng.
7. Tắm gần bếp, sẽ bị tuyệt tự.

8. Dâm dục gần bếp, đời sau đầu thai làm trâu bị Trời đánh.

9. Đốt giấy chữ trong bếp, là khinh dể Thánh-Hiền, sẽ bị đui mù.

10. Đạp đồ ăn dựa bếp, sẽ bị nghèo khổ, hành-khất.

11. Loài vật còn sống, mà nấu nướng trong bếp, sẽ bị tai họa.

12. Đánh lộn trước bếp, sẽ bị tàn gia bại sản.

Sách đạo-kinh nói Về những đồ như uế đừng để gần bếp

Những loài vật, như là trâu, chó, ếch, nhái, không nên nấu nướng trong bếp.

Đừng lấy nước sôi tưới ổ kiến.

Lông gà, xương thú, củi dơ, không nên đem vào bếp.

Dao và búa, đừng để trong bếp cách đêm.

Chổi dùng dụng dựa bếp.

Đừng hơ áo, quần, giày, tất trong bếp.

Đừng ngồi trên bếp, hoặc leo lên bếp, đạp trên bếp, ngồi chồm-hồm trên bếp.

Các điều ấy phải giữ-gìn cho lắm. Có làm lỡ thì phải chừa. Nếu còn phạm nữa sẽ báo-ứng nhãn tiền. Phải nhớ mà giữ cho lắm.

Đời xưa thầy Thạch-Thiên-Cơ nói

Đàn-bà con gái có hiếu với cha mẹ, và cha mẹ chồng, cung kính chồng, siêng việc nữ-công, lo việc nấu ăn, dạy con cái, có nhân với tôi-tớ, ấy là tu phước lớn, sẽ đặng phước nhiều.

Nếu không được mấy điều ấy, dầu mỗi ngày đốt hương, thần phật cũng ghét. Lời ấy thiệt là chánh lý, hay lắm.

Lời-khuyên-đời của Ông Lữ-động-Tân

(10 điều có ích)

1. Làm lành bổ thí, có ích với Thần.
2. Làm quan thanh-liêm, có ích với dân.
3. Một lòng thảo thuận, có ích song thân.
4. Xử việc công-bình, có ích hương lân.
5. Trọng nghĩa khinh của, có ích thân-bằng.
6. Vung phân tưới nước, có ích nông-tang.
7. Sửa cầu đắp lộ, có ích cho bộ-hành:
8. Không nghe lời vợ, có ích em anh.

9. Dạy cày, dạy học, có ích hậu sanh.
 10. Không say, không thả, có ích cho mình.
-

ÔNG HỨA-CHƠN-QUÂN RẼN ĐỜI

(10 điều vô ích)

1. Lòng ở chẳng lành, địa-lý không ích.
 2. Chẳng thảo cha mẹ, thờ Thần không ích.
 3. Anh em chẳng hòa, kết bạn không ích.
 4. Ăn ở chẳng ngay, đọc sách không ích.
 5. Cao cách kiêu ngạo, học nhiều vô ích.
 6. Làm việc trái đời, thông-minh vô ích.
 7. Chẳng tiết tinh thần, uống thuốc vô ích.
 8. Thời vận còn suy, cầu may vô ích.
 9. Lấy của người ta, bố thí vô ích.
 10. Dâm loạn chơi ác, âm đức vô ích.
-

Chú thích:

ⁱ Quan Thánh Đế Quân

Quan Thánh: vị Thánh họ Quan.

Quan Vũ (162 – 219), cũng được gọi là Quan Công , tự là Vân Trường, Trường Sinh, là một vị võ tướng thời kỳ cuối nhà Đông Hán và thời Tam Quốc ở Trung Quốc. Ngài là người đã góp công lớn vào việc thành lập nhà Thục, với Lưu Bị là vị hoàng đế đầu tiên. Ngài cũng là người đứng đầu trong số ngũ hổ tướng của nhà Thục, bao gồm: Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung và Mã Siêu.

Ngài giáng sinh vào ngày hai mươi bốn tháng sáu năm Diên Hi thứ ba đời Đông Hán, ở thôn Hạ Phùng, huyện Giải (sau thành châu Giải), quận Hà Đông, bộ Hiệu Úy của Trục Lê (nay là thôn Thường Bình, làng Thường Bình, Vạn Thành). ([1])

Điểm đặc biệt hiếm thấy trong tín ngưỡng thờ đức Quan Thánh Đế Quân là Ngài được tôn vinh trong cả Tam Giáo (Nho, Phật, Đạo).

Nho giáo thì tôn xưng Ngài là một trong “Ngũ Văn Xương”, lại tôn là “Văn Vệ Thánh Đế”, hoặc “Sơn Tây Phu Tử”; có khi tôn là Á Thánh, Á Hiền. Dân gian Trung Quốc có câu nói: “Ở Sơn Đông có một người làm kinh Xuân Thu (chỉ Khổng Tử); Ở Sơn Tây có một người xem kinh Xuân Thu (chỉ Quan Thánh Đế)”. Có câu này là do thuở bình sinh, Ngài rất yêu kinh Xuân Thu, hễ khi nào rảnh rỗi là ngồi đọc.

Đạo giáo thì thờ Ngài như là một vị gần gũi với Ngọc Hoàng Thượng Đế, tôn xưng Ngài là “Dục Hán Thiên Tôn”, “Hiệp Thiên Đại Đế” hoặc “Vũ An Tôn Vương”.

Phật giáo thì lấy sự trung nghĩa của Ngài làm Hộ Pháp, lại có truyền thuyết Ngài đã từng hiển thánh ở núi Ngọc Tuyền, quy y nhà Phật. Do đó, tôn Ngài làm “Cái Thiên Cổ Phật” hoặc “Hộ Pháp Già Lam”.

“Tứ điển Nho Phật Đạo” giảng giải về đức Quan Thánh Đế Quân như sau:

“Ngài là vị Võ thánh nhân giáng thần trợ uy được cả Phật giáo và Đạo giáo phụng thờ. Sau khi mất, đầu được táng tại Lạc Dương, Hà Nam (khu lăng mộ Quan Âm), mình táng tại núi Ngọc Tuyền, Đương Dương, Hồ Bắc. Người đương thời cảm về đức nghĩa của Ngài, hàng năm thờ cúng rất chu đáo. Năm đầu Sùng Ninh (1102), Tống Huy Tông truy phong là “Trung Huệ Công”. Năm Tuyên Hòa 5 (1123) phong là “Nghĩa Dũng Vũ An Vương”. Năm Vạn Lịch 33 (1605) nhà Minh gia phong là “Tam giới Phục ma Đại đế Thần uy Viễn chấn Thiên tôn Quan thánh Đế quân”. Đến thời Thuận Trị nhà Thanh, lại ban sắc phong là “Trung nghĩa Thần vũ Linh hựu Nhân dũng Uy hiển Hộ quốc Bảo dân Tinh thành Tuy tĩnh Dực tán Tuyên đức Quan thánh Đại đế”.

Ngài trở thành vị Võ Thánh sánh ngang với Văn Thánh Khổng Tử. Tương truyền ngay từ thời nhà Tùy, Ngài đã trở thành một trong những vị thần hộ pháp của Phật giáo. Bấy giờ, ở núi Thiên Thai có một nhà sư muốn xây chùa, đang đêm ngủ mộng thấy một vị thần nhân tự xưng là Quan Vũ, nguyện làm đệ tử của Phật, hộ trì Phật pháp. Sau đó, nhà sư bẩm lên Tấn Vương Dương Quảng. Dương Quảng bèn phong Quan Vũ là Già lam thần. Thần tích liên quan đến Ngài trong Đạo giáo càng trở nên phổ biến hơn. Hán thiên sư thế gia nói rằng khi Thiên sư thế hệ 30 của Trương Kế Tiên dùng bùa trừ giao long ở Giải Châu thì Ngài là thiên tướng thủ hạ của thiên sư. Có sách Đạo thư nói tiền thân của Ngài là con rồng già trong chằm núi Lô Thủy, tôn là Quan Thánh Đế Quân, gọi tắt là Quan Đế.

Hậu thế có nhiều loại văn khuyển thiện thông tục, giả thác tên ngài như Quan Đế Giác Thế Chân Kinh, Quan Đế Minh Thánh Kinh, Giới sỹ tử văn, v.v... lưu truyền rất rộng”. (hết lời trích)

Là một trong những nhân vật lịch sử của Trung Quốc được biết đến nhiều nhất ở khu vực Đông Á, hình tượng của Ngài đã được tiểu thuyết hóa trong Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung và sau này được khắc họa trong các dạng hình nghệ thuật như kịch, chèo, tuồng, phim ảnh v.v với những chiến tích và phẩm chất đạo đức được đề cao cũng như được thần thánh hóa trong các câu chuyện dân gian, bắt đầu từ thời kỳ nhà Tùy (581-618).

Ngài cũng được thờ cúng ở rất nhiều nơi, đặc biệt là ở Hồng Kông, với tượng mặt đỏ, râu dài, tay cầm cây Thanh Long đao, cưỡi ngựa xích thố, hoặc ngồi đọc kinh Xuân Thu. Tương truyền thanh long đao của Ngài nặng 82 cân (khoảng 18 kg ngày nay).

Dân gian coi Ngài như một biểu tượng của tính hào hiệp, trọng nghĩa. Cũng vì cảm khái trước lòng hào hiệp, trọng nghĩa của Ngài mà người đời sau có rất nhiều câu đối đề tặng ngài, trong đó có những đôi câu đối nổi tiếng như:

Chí tại Xuân Thu, công tại Hán

Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên

Dịch nghĩa

Lập chí ở Kinh Xuân Thu, lập công cho nhà Hán

Lòng trung tựa mặt trời, mặt trăng;

Nghĩa sánh với trời

Hoặc

*Xích diện bình xích tâm,
kỵ Xích thổ truy phong,
trì khu thời,
vô vong Xích đế
Thanh đăng quang thanh sử,
trượng thanh long yển nguyệt,
ân vi xứ,
bất quý thanh thiên*

Dịch nghĩa

*Mặt đỏ lòng son,
cưỡi Xích thổ như gió,
khi rong ruổi không quên vua Đỏ ([2])
Đèn xanh xem sử xanh,
nuơng thanh long yển nguyệt,
chốn ân vi chẳng thẹn với trời xanh*

Người xưa cũng có bài thơ tán dương Ngài như sau:

Phiên âm

*Tinh trung xung nhật nguyệt
Nghĩa khí quán càn khôn
Diện xích tâm vuơ xích
Tu trường nghĩa cánh trường*

Dịch nghĩa:

*Lòng trung như mặt trời, mặt trăng,
Nghĩa khí như trời đất.*

*Mặt đỏ, tâm cũng đỏ,
Râu dài, nghĩa cũng lớn*

Tại ngôi miếu Quan Vương ở cửa Thiên Nhạc, núi Hoàng Long, huyện Thông Thành (Trung Quốc) có đôi câu đối:

Sinh Bồ Châu, giúp Dục Châu, ngôi trấn Kinh Châu, tay đỡ dựng ngàn thu sự nghiệp;

Anh Huyền Đức, em Dục Đức, chẳng hàng Mạnh Đức, lòng son rung vạn thuở cương thường.

Nhiều đời vua Trung Quốc nối tiếp nhau gia phong cho Ngài từ tước “Hầu” lên đến vị “Thánh” như sau:

- Hán Hậu Chủ (năm 260) truy phong tên thụy của Quan Công là “Tráng Mậu Hầu”.
- Năm Sùng Ninh thứ nhất (năm 1102) đời vua Huy Tông Bắc Tống phong làm “Trung Huệ Công”.
- Năm Sùng Ninh thứ ba (năm 1104) đời vua Huy Tông Bắc Tống tấn phong làm “Sùng Ninh Chân Quân”.
- Năm Đại Quan thứ hai (năm 1108) chúc phong làm “Vũ An Vương”.
- Năm Tuyên Hòa thứ năm (năm 1112) tái phong làm “Nghĩa Dũng Vũ An Dương”.
- Năm Kiến Viêm thứ hai (năm 1128) đời vua Cao Tông Nam Tống phong làm “Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Vương”.
- Năm Thuần Hi thứ mười bốn (năm 1187) vua Hiếu Tông phong làm “Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương”.
- Năm Thiên Lịch thứ nhất (năm 1328) đời vua Văn Tông nhà Nguyên phong làm “Hiển Linh Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương”.

- Năm Hồng Vũ thứ hai mươi bảy đời vua Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương sắc lệnh cho xây dựng “Quan Công Miếu” ở Nam Kinh, và ra lệnh mọi người phải bái kính Ngài.
- Minh Hiến Tông sắc lệnh trùng tu Miếu Quan Công.
- Năm Vạn Lịch thứ mười (năm 1528) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm “Hiệp Thiên Hộ Quốc Trung Nghĩa Đế”. Sau ban sắc chỉ sửa đổi tên Miếu Thờ Quan Công ở châu Giải là “Anh Liệt Miếu”.
- Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai (năm 1614) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm “Tam giới Phục ma Đại Đế Uy viễn chấn Thiên tôn Quan Thánh Đế Quân”. Lại ban sắc lệnh cho “dát vàng” y phục của tượng Ngài Quan Công ở miếu thờ kinh đô, phong Lục Tú Phủ và Trương Thế Kiệt làm tả hữu Thừa Tướng cho Quan Thánh Đế Quân; Nguyên soái Nhạc Phi (đời Tống) và Uất Trì Cung (đời Đường) là Già Lam Hộ Pháp cho Ngài; lại phong cho phu nhân của Quan Công là “Cửu Linh Ý Đức Vũ Túc Anh Hoàng Hậu”; phong cho trưởng tử Quan Bình làm “Kiệt Trung Vương”, thứ tử Quan Hưng làm “Hiển Trung Vương”, Châu Thương (Xương) làm “Uy Linh Huệ Dũng Công”.
- Năm Thuận Trị thứ nhất (năm 1644) đời vua Thế Tổ nhà Thanh phong làm “Trung Nghĩa Thần Vũ Quan Thánh Đại Đế”.
- Năm Ung Chính thứ nhất đời Thanh gia phong làm “Linh Hựu”.
- Vua Khang Hi nhà Thanh phong làm “Phục Ma Đại Đế”.
- Năm 1703, đích thân vua Khang Hi nhà Thanh đến quê của Quan Công ở châu Giải để bái yết và đề biễn cho Miếu thờ Ngài.
- Năm Càn Long thứ 53 đời Thanh gia phong “Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Quan Thánh Đại Đế”.

- Năm Ung Chính thứ ba (năm 1725) vua Thế Tông nhà Thanh truy phong tăng tổ của Quan Công, ông cố là “Quang Thiệu Công”, ông nội là “Dụ Xương Công”, còn cha là “Thành Trung Công”.
- Trải qua các đời vua Nhân Tông, Cao Tông, Tuyên Tông, Văn Tông nhà Thanh cũng đều có gia phong và đề biễn ở Miếu thờ Ngài:
- Năm Đạo Quang thứ tám, gia phong hai chữ “Uy Hiên”,
- Năm Hàm Phong thứ nhất, tái gia phong hai chữ “Tĩnh Thành”,
- Tuyên Hựu phong hai chữ “Tuy Tĩnh” và ban cho tám biễn đề “Vạn Thế Nhân Cực”,
- Đồng Trị gia phong hai chữ “Dực Tán”,
- Quang Tự gia phong hai chữ “Tuyên Đức”.
- Đời Thuận Trị được sắc phong danh hiệu dài tới 26 chữ là:

“TRUNG NGHĨA THẦN VŨ LINH HỰU NHÂN DŨNG
UY HIÊN HỘ QUỐC BẢO DÂN TÌNH THÀNH TUY
TĨNH DỤC TÁN TUYÊN ĐỨC QUAN THÁNH ĐẠI
ĐẾ”.

Nhà vua lại sắc lệnh cho cả nước đều xây Miếu Thờ Quan Thánh Đế Quân, xuân thu nhị kỳ phải chí thành cúng tế.

([1]) Có nhiều thông tin khác nhau về ngày sinh, ngày mất của Quan Thánh Đế. Tham khảo mục Các ngày lễ trọng của các vị được phụng thờ tại đền Thượng – Phần Một của sách này.

([2]) Chỉ nhà Hán, vì nhà Hán ứng với vận hỏa.

ⁱ **Lữ Động Tân 呂洞賓**

Là một nhân vật lịch sử và là một vị thần trong số Bát Tiên, được tôn kính trong lịch sử văn hóa Trung Hoa.)

Lữ Đồng Tân, con của Thứ Sử Hải Châu, sanh ngày 14 tháng 4. Khi bà mẹ mới sanh Ông thì trong phòng mùi hương thơm phức, có hạc trắng bay vào phòng rồi biến mất. Ấy là Huê Dương Chơn Nhơn đầu thai xuống trần làm Lữ Đồng Tân.

Lữ Đồng Tân lớn lên, mắt phụng mành ngài, tay dài, cổ cao, mũi thẳng, xương gò má cao, chơn mày bên tả có nốt ruồi, dưới bàn chơn có chỉ như lưng qui, mình cao 8 thước 2, tánh ưa bịt khăn huê dương (bao đánh xanh), mặc áo đạo sĩ.

Khi ấy có thầy coi tướng Mãn Tổ đến coi đoán rằng: “Người trẻ này tướng khác phàm tục, sau gặp chữ Lư thì đắc thời, gặp chữ Chung thì thành đạo.”

Mọi người trong nhà đều nghe nhưng không hiểu gì.

Năm 20 tuổi, Lữ Đồng Tân xưng hiệu là Thuần Dương, nên gọi là Lữ Thuần Dương, đi thi đỗ Tú Tài, tiếp theo đỗ luôn Cử Nhân, nhưng khi thi Tiến Sĩ thì rớt. Khi đến núi Lư sơn, gặp Huỳnh Long Chơn Nhơn dạy cho phép tu luyện và tặng cho một thanh gươm chém được yêu quái.

Ngày kia, Lữ Đồng Tân đến chợ Trường An, huyện Hàm Đan, vào quán rượu, gặp một đạo sĩ mặc áo trắng đang đề thơ trên vách ba bài thi như sau:

*Ngồi đứng hằng mang rượu một bầu,
Chẳng cho cặp mắt thấy Hoàng Châu.
Dạo chơi ít kẻ tường tên họ,
Trên thế thanh nhàn muốn được đâu?*

*Thần Tiên tìm bạn khó không nài,
Có phước theo ta dễ mấy ai?
Đông Hải rõ ràng nhiều động đá,
Ít người được thấy núi Bồng Lai.*

*Đạo chơi theo thuở, ở theo thời,
Danh lợi làm chi mắc nợ đời.
Nằm nghĩ co tay hằng đếm mãi,
Mấy ai ao ước được như lời.*

Lữ Đồng Tân thấy đạo sĩ cốt cách Thần Tiên, đề thơ thanh thoát thì cảm phục lắm, liền đến làm quen, chấp tay chào hỏi và xin Đạo sĩ cho biết họ tên. Đạo sĩ mời ngồi, rồi nói rằng:

– Ông hãy làm một bài thơ cho ta biết ý trước đã.

Lữ Đồng Tân liền đọc:

*Cân đai ràng buộc ý không màng,
Áo vải coi ra rất nhẹ ì nhàng.
Danh lợi cuộc đời chưa phỉ nguyện,
Làm tôi Thượng Đế mới nên trang.*

Đạo sĩ nói:

– Ta là Chung Ly Vân Phòng, tu ở núi Triều Hạc, Ông có muốn đi chơi với ta không?

Đồng Tân có vẻ lưỡng lự. Vân Phòng biết họ Lữ còn muốn đi thi Tiến Sĩ để trổ danh với đời, nên ý còn dè dặt.

Vân Phòng muốn độ Lữ Đồng Tân nên ngồi nấu một nồi huỳnh lương, tức là nồi bắp vàng. Trong lúc chờ cho nồi bắp chín, Vân Phòng đưa cho Lữ Đồng Tân một cái gối, bảo nằm xuống nghỉ, còn mình thì tiếp tục chụm củi đun nồi bắp.

Đồng Tân nằm xuống, kê đầu lên gối, giây lát chiêm bao thấy mình vác lều chõng đi thi, ngang qua nhà giàu nọ, gặp người con gái rất đẹp thì ướm lời. Nàng nói rằng: Nếu chàng thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa giáp.

Lữ Đồng Tân vào khoa thi đỗ Trạng, về cưới nàng ấy, sau lại cưới thêm hầu thiếp, được vua bổ làm quan Gián Nghị, lần lần thăng lên. Sau 40 năm được vua phong tới chức Thừa Tướng, con cái đông đảo, sui gia cũng bậc quan lớn, lại có cháu nội cháu ngoại. Thật là vinh sang phú quý tột bậc.

Chẳng may, sau đó bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa, vua tin lời, bắt tội, truyền tịch thu gia sản, đày qua núi Lãnh Biển, cực khổ vô cùng. Kế giết mình thức dậy.

Vân Phòng ngồi kể bên cười lớn, ngâm câu thơ:

Nồi bấp hầy còn ngồi,

Chiêm bao đà thấy cháu.

Lữ Đồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng:

– Thầy biết sự chiêm bao của tôi sao?

– Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát, đặng chẳng khá mừng, mất không nên thảm, hết vinh tới nhục là lẽ thường. (Do sự tích này mà người ta nói: Giác Huỳnh lương, Giác kê vàng, Giác Hàm Đan, là để chỉ giác mộng của Lữ Đồng Tân, xem vinh hoa phú quý là phù du mộng ảo).

Đồng Tân nghe Vân Phòng nói vậy, liền tỉnh ngộ, ngẫm nghĩ thấy chán ngán cuộc đời, cầu xin Vân Phòng truyền đạo.

Vân Phòng nói:

– Việc nhà hãy chưa an, đời sau tu cũng không muộn.

Nói rồi liền bỏ đi. Lữ Đồng Tân trở về nhà, bỏ việc công danh, lo tu tâm dưỡng tánh. Trong thời gian đó, Chung Ly Vân Phòng lần lượt bày ra 10 điều để thử tâm chí của Lữ Đồng Tân. Vân Phòng rất hài lòng về người đệ tử này, nói:

– Ta đã thử 10 điều, khen người bên chí, đáng được truyền đạo trường sanh. Song người chưa có công quả bao nhiêu, nên ta rước gấp chưa được. Nay ta dạy người phép chỉ đá hóa vàng, người cứu đời cho có công quả, rồi ta sẽ rước người về Thượng giới.

Lữ Đồng Tân thưa rằng:

– Vàng ấy chừng bao lâu mới phai?

– Cách 3000 năm mới trở.

Lữ Đồng Tân châu mày thưa rằng:

– Như vậy thì cứu người nghèo bây giờ mà lại làm hại những kẻ 3000 năm sau nhiều lắm, thiệt tôi chẳng nỡ.

Vân Phòng khen:

– Lòng người hơn đức 10 phần, truyền đạo bây giờ cũng đáng.

Nói rồi dắt Lữ Đồng Tân về núi Triều Hạc, và sau đó truyền hết các phép tu luyện cho Lữ.

Một ngày nọ, Vân Phòng gọi Lữ Đồng Tân nói:

– Ta sắp lên châu Thượng Đế, sẽ tâu xin đem tên người vào sổ Tiên. Cách 10 năm nữa, đến gặp ta tại Động Đình Hồ.

Xảy có một vị Tiên cõi hạc bay đến nói:

– Có chiếu chỉ của Đức Thượng Đế phong Vân Phòng làm chức Kim Khuyết Thượng Tiên. Hãy mau lên lãnh sắc.

Vân Phòng liền từ giã Lữ Đồng Tân rồi bay lên mây. Lữ Đồng Tân vẫn ở núi Triều Hạc đề tu và lập công quả.

Ngày nọ, Lữ Đồng Tân đến sông Giang Hoài, được biết có một con giao thành tinh, phá hại dân chúng. Đã có nhiều đạo sĩ đến trị nó không nổi. Lữ Đồng Tân biết mình có gươm phép của Huỳnh Long Chơn Nhơn ban cho, chắc trừ nó được, nên nói với quan Phủ để mình lãnh cho.

Nói rồi, rút gươm phép ra, miệng niệm Thần chú, phóng gươm xuống sông Giang Hoài, giây phút thấy nước sông nổi sóng, máu tươi vọt lên thắm đỏ dòng sông, con giao long bị chém đứt họng nổi lên. Gươm linh này chém xong lại trở vô vỏ. Quan Phủ rất mừng, tặng cho Lữ vàng bạc để đền ơn, nhưng họ Lữ không nhận.

Lữ Đồng Tân đi qua Châu Nhạc Dương, bỏ thí thuốc chữa bệnh, và tìm người lành đạo dẫn tu hành. Kế tới ngày hẹn với Chung Ly, Lữ Đồng Tân sắp đặt để đi đến Động Đình Hồ đón Vân Phòng và cùng Vân Phòng đi độ Hàn Tương Tử.

HỒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Cùng phát tâm bồ đề
Hết một báo thân này
Đồng sanh Cực Lạc quốc

**NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI
ĐẠI TỪ ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT**

